

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

---

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

---

*(Đề án được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học)*

HÀ NỘI – 6/2022



## **ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022**

- Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Căn cứ Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Thực hiện Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;
- Thực hiện Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (sau đây gọi tắt là Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT);
- Căn cứ công văn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Nhà trường công bố Đề án tuyển sinh năm 2022 như sau :

### **I. THÔNG TIN CHUNG :** *(tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)*

**1. Tên trường :** TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

**2. Mã trường :** TDH

**3. Địa chỉ :** Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường :** <https://hupes.edu.vn>

**5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường** *(có thông tin tuyển sinh):*

<https://hupes.edu.vn/tuyensinh/>

<https://hupes.edu.vn/quocphonganninh/>

<https://www.facebook.com/SPTDTHN>

<https://www.facebook.com/HCSVDHSPTDTHN/>

<https://www.youtube.com/channel/UCENsiWGDO618Lro0dT8JN6Q>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh :**

– Số điện thoại : (024)33.866.899      ĐD : 0914.821.979, 0966.172.796

**7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp :**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/media/ba-cong-khai-1.html>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm 2021 (năm liền kề trước năm tuyển sinh), đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực / Nhóm ngành / Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghệ nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Nhóm ngành <i>Đào tạo giáo viên</i> . Ngành Giáo dục thể chất	<b>Đại học</b>	<b>300</b>	<b>185</b>	<b>120</b>	<b>94,17%</b>
Tổng		<b>300</b>	<b>185</b>	<b>120</b>	<b>94,17%</b>

## 8. Thông tin về tuyển sinh đại học chính quy của 2 năm gần nhất :

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh đại học chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/>

### 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất :

Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*. Nhóm ngành *Đào tạo giáo viên*.

Tên ngành : **Giáo dục thể chất** Mã ngành : **7140206**

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT (hoặc kết quả hai môn thi THPT Quốc gia), kết hợp thi Năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức.

**Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

**Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

- Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT, cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT (*tính hệ số 1*) và điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

#### \* **Tiêu chí xét tuyển :**

+ **Tiêu chí 1 :** Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

+ **Tiêu chí 2 :** Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật. Chiều cao : nam từ 1,62m; nữ từ 1,52m trở lên.

+ **Tiêu chí 3 :** Có tham dự thi Năng khiếu TDTT xét tuyển vào hệ đại học chính quy của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ **Tiêu chí 4 :** Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 2 môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên hoặc tổng điểm của 2 môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức phải đạt điểm sàn theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngoài ra phải đạt : *hoặc* Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Nếu thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì chỉ cần tổng điểm trung bình của hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT của tổ hợp đăng ký xét tuyển phải đạt 10,0 điểm trở lên.

**\* Nội dung thi Năng khiếu TDTT năm 2020 :**

+ Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Chiều cao : nam từ 1,62m; nữ từ 1,52m trở lên.

Nếu chiều cao thiếu 1,0 cm trở lên thì bị loại (VDV đạt Huy chương do Hội đồng Tuyển sinh quyết định).

+ **Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet)**, chấm theo thang điểm 10.

+ **Chạy 100m/ Chạy nhanh khéo (thành tích tính bằng giây)**, chấm theo thang điểm 10.

**\* Nội dung thi Năng khiếu TDTT năm 2021 : (thi trực tuyến)**

+ Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật. Chiều cao nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên (không tuyển thí sinh có chiều cao dưới mức quy định).

Thí sinh tự khai và cam kết chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có).

Nhà trường đánh giá trực tuyến về thể hình, giọng nói theo các yêu cầu đào tạo giáo viên giáo dục thể chất.

+ **Nhảy dây 1 phút (tính số lần)**; Thí sinh thực hiện 1 lần.

+ **Nằm ngửa gập bụng 1 phút (tính số lần)**; Thí sinh thực hiện 1 lần.

**\* Điểm xét tuyển : ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐƯT.**

Trong đó : M1, M2 là điểm trung bình hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT của tổ hợp đăng ký xét tuyển.

M3 là điểm thi Năng khiếu TDTT (hệ số 1).

ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực

- Ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến một chữ số thập phân.

**8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất : (theo Đề án tuyển sinh riêng)**

Lĩnh vực / Nhóm ngành / Ngành / Tổ hợp xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i> . Nhóm ngành <i>Đào tạo giáo viên</i> . Tên ngành : <b><i>Giáo dục Thể chất</i></b> Mã ngành : <b>7140206</b> <i>Tổ hợp xét tuyển :</i> - Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT - Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu TDTT - Toán, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT - Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT	<b>800</b>	<b>382</b>	<b>15,5</b> (KV1, UT1)  <b>18,25</b> (KV3, không UT)	<b>296</b>	<b>317</b>	<b>18,0</b> (KV1, UT1)  <b>20,75</b> (KV3, không UT)
<b>Tổng cộng :</b>	<b>800</b>	<b>382</b>	<b>-</b>	<b>296</b>	<b>317</b>	<b>-</b>

\* **Phương thức xét tuyển** : Xét tuyển dựa vào kết quả học tập hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT (hoặc kết quả hai môn thi THPT Quốc gia) trong các tổ hợp xét tuyển nêu trên, kết hợp thi Năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức. Tổng điểm trung bình của 2 môn học cả năm lớp 12 đạt từ 13,0 trở lên (VDV có Huy chương đạt từ 10,0 trở lên). Hoặc tổng điểm của 2 môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT phải đạt điểm sàn theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Điểm thi Năng khiếu TDTT tính hệ số 1.

## 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo :

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/media/danh-muc-nganh-nghe-dao-tao.html>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	<b>Giáo dục thể chất</b>	7140206	3501/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	01/7/2003	800/QĐ-BGDĐT	12/3/2018	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2003	2021
2	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>	7140208	4454/QĐ-BGDĐT	26/11/2021	-	-	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2022	-

## 10. Điều kiện bảo đảm chất lượng :

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/kiem-dinh-cl-van-bang>

### 10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		<b>117</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		<b>03</b>
1.1	Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	<b>914</b>	<b>03</b>
1.1.1	Ngành <i>Giáo dục học</i>	<b>9140101</b>	<b>03</b>
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		<b>114</b>
2.1	Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	<b>814</b>	<b>114</b>
2.1.1	Ngành <i>Giáo dục học</i>	<b>8140101</b>	<b>114</b>
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>		<b>1853</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>1387</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>		<b>1131</b>
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		<b>0</b>
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		<b>1131</b>
3.1.2.1	Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	<b>714</b>	<b>1131</b>
3.1.2.1.1	Ngành <i>Giáo dục thể chất</i>	<b>7140206</b>	<b>1131</b>
3.1.2.1.2	Ngành <i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>	<b>7140208</b>	<b>0</b>
<b>3.2</b>	<b>Đối tượng từ trung cấp lên đại học</b>		<b>0</b>
<b>3.3</b>	<b>Đối tượng từ cao đẳng lên đại học</b>		<b>256</b>
3.3.1	Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	<b>714</b>	<b>256</b>
3.3.1.1	Ngành <i>Giáo dục thể chất</i>	<b>7140206</b>	<b>256</b>
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		<b>0</b>
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>466</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		<b>0</b>
<b>4.2</b>	<b>Đối tượng từ trung cấp lên đại học</b>		<b>21</b>
4.2.1	Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	<b>714</b>	<b>21</b>
4.2.1.1	Ngành <i>Giáo dục thể chất</i>	<b>7140206</b>	<b>21</b>
<b>4.3</b>	<b>Đối tượng từ cao đẳng lên đại học</b>		<b>445</b>
4.3.1	Lĩnh vực <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	<b>714</b>	<b>445</b>
4.3.1.1	Ngành <i>Giáo dục thể chất</i>	<b>7140206</b>	<b>445</b>
<b>4.4</b>	<b>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		<b>0</b>
<b>5</b>	<b>Từ xa</b>		<b>0</b>

## 10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu :

### 10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha) : **14,3 ha** ( $\approx 143.477 \text{ m}^2$ ).
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : **3.360 chỗ**
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy :  $23,5 \text{ m}^2/\text{sinh viên}$

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng ( $\text{m}^2$ )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của nhà trường.		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	<b>02</b>	<b>485</b>
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	<b>04</b>	<b>728</b>
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	<b>04</b>	<b>544</b>
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	<b>11</b>	<b>1.252</b>
1.5	Số phòng học đa phương tiện	<b>02</b>	<b>280</b>
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của nhà trường.	<b>05</b>	<b>1.895</b>
1.7	Giảng đường học chung (ngành GDQPAN)	<b>14</b>	<b>2100</b>
1.8	Phòng học chuyên dùng (ngành GDQPAN)	<b>01</b>	<b>150</b>
2	Thư viện, trung tâm học liệu.	<b>02</b>	<b>1.300</b>
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	<b>26</b>	<b>26.440</b>
	<b>Tổng :</b>		<b>35.174</b>

### 10.2.2. Các thông tin khác :

#### 10.2.2.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, nhà thi đấu đa năng, sân bãi tập luyện, thao trường, bãi tập quân sự, bể bơi và các trang thiết bị :

##### *Phục vụ nhóm ngành Đào tạo giáo viên :*

- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : **Giáo dục Thể chất**
- Mã ngành : **7140208** Tên ngành : **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
1	Phòng thực hành Tin học	02	02 máy chiếu, 72 máy tính nối mạng.	7140206 7140208
2	Phòng học Giải phẫu	01	Các bộ xương người thật. Mô hình giải phẫu 21 phần Torso; Bộ dụng cụ đo độ dày da; Bộ lực kế lưng; Bộ lực kế tay; Bộ thước nhân trắc; 02 bộ Cân, đo điện tử.	7140206 7140208

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>	<b>Phục vụ ngành đào tạo</b>
3	Phòng thực hành Ngoại ngữ (LAB)	02	Máy chiếu + 90 máy cá nhân	7140206 7140208
4	Phòng thực hành Y học	01	Máy đo mạch tự động; Máy phân tích chức năng hô hấp; Thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động; Máy điện tim ECG 1503 Mỹ; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy siêu âm ALOKA Nhật - TQ (SSD1000); Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES- 521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK- 6420K; Thiết bị đo phản xạ toàn thân 1264B Nhật; Nhiệt kế hồng ngoại kỹ thuật số; Máy đo tầm hoạt động khớp; Thiết bị phục hồi chấn thương bằng xoa bóp điện từ.	7140206 7140208
5	Phòng thực hành Sinh hóa, Sinh lý TDDT.	01	Các thiết bị Sinh hóa, Sinh lý TDDT. Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES-521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK-6420K; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy XQ chụp tổng hợp cao tần EZY – RAD.	7140206 7140208
6	Nhà tập đa năng (tổng diện tích 1.392 m2)	01	Các thiết bị, máy tập TDDT. Hệ thống thang giống thể dục; Xà đơn thi đấu DA9-TQ; Xà kép luyện tập SHB1-TQ; Xà lệch luyện tập GA1-TQ.	7140206 7140208
7	Nhà tập, thi đấu đa năng (tổng diện tích 3.200 m2)	01	Các thiết bị, máy tập TDDT. Máy tập tạ 113, Máy tập tạ 202, Máy tập tạ 608, Máy tập bụng 210, Máy tập cẳng chân 620S, Máy tập đùi 602B, Máy tập lưng 304, Máy tập lưng 504, Máy tập lưng 712, Máy tập tạ 407B, Máy tập vai và tay FT444, Máy tập vai và tay FT555; Ván dậm nhảy ZTA9-TQ; Dàn tạ 300G/120GD; Tạ gánh Jinling. Thảm tập đa năng Mỹ. Bộ cột sân Bóng rổ.	7140206 7140208



TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
8	Nhà tập bóng bàn	01	Các bộ bàn bóng bàn, thiết bị tập bóng bàn. Tổng diện tích 725 m <sup>2</sup> .	7140206
9	Sân điền kinh với đường chạy phủ nhựa tổng hợp Mỹ.	01	Tổng diện tích 6.500 m <sup>2</sup>	7140206 7140208
10	Sân bóng đá phủ cỏ nhân tạo Mỹ	02	Tổng diện tích 10.800 m <sup>2</sup>	7140206
11	Sân bóng chuyền tiêu chuẩn Quốc gia	07	Tổng diện tích 3.150 m <sup>2</sup>	7140206
12	Sân bóng rổ	02	Tổng diện tích 1640 m <sup>2</sup>	7140206
13	Sân bóng ném	01	Tổng diện tích 1.300 m <sup>2</sup>	7140206
14	Sân quần vợt tiêu chuẩn Quốc gia	02	Tổng diện tích 1.040 m <sup>2</sup>	7140206
15	Bể bơi tiêu chuẩn Quốc gia	01	10 đường bơi cự ly 50 m	7140206 7140208
16	Thao trường, bãi tập Điều lệnh	02	Các trang thiết bị dùng cho tập điều lệnh, tập đội hình, đội ngũ.	7140208
17	Thao trường, bãi tập bắn	01	Các trang thiết bị, máy tập bắn.	7140208
18	Thao trường, bãi tập Chiến thuật	02	Các trang thiết bị dùng cho tập chiến thuật bộ binh tiểu đội, trung đội.	7140208
19	Kho Vũ khí quân dụng	01	631 súng tiểu liên AK hoá cải, 03 tủ sắt đựng súng (dành cho Trung đội), 50 tủ sắt đựng súng (dành cho Tiểu đội), 19 mô hình súng cắt bỏ (khẩu súng cắt bỏ trong tập bắn), 11 Thiết bị bắn tập MBT-03.	7140208
20	Kho Quân trang	01	3000 bộ trang phục Nam, 2000 bộ trang phục Nữ (quần, áo, thắt lưng, mũ, giày), 2200 áo bông - dùng cho sinh viên học Giáo dục quốc phòng.	7140208

**Ghi chú :** Nhà trường đã có kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị, xin cấp phép mua bổ sung vũ khí quân dụng dùng trong giảng dạy, học tập ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.

**10.2.2.2. Thống kê về học liệu trong thư viện :** (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

**Phục vụ nhóm ngành Đào tạo giáo viên :**

- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : **Giáo dục Thể chất**

- Mã ngành : **7140208** Tên ngành : **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

STT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số đầu sách / số lượng cuốn
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I (nhóm ngành Đào tạo giáo viên)	<b>2.276</b> đầu sách / <b>16.864</b> cuốn
2.	Khối ngành II	
3.	Khối ngành III	
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	
6.	Khối ngành VI	
7.	Khối ngành VII	

Thư viện có hệ thống máy tính nối mạng để tra cứu tài liệu. Thư viện hiện có đầy đủ giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, tạp chí phục vụ đào tạo với tổng số **2.276 đầu sách**, giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành với số lượng **16.864 cuốn** các loại.

Cụ thể : Phục vụ đào tạo ngành Giáo dục Thể chất có 50 đầu giáo trình, hơn 100 đầu sách, tài liệu tham khảo, tạp chí. Phục vụ đào tạo ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh có hơn 24 đầu giáo trình, gần 70 đầu sách, tài liệu tham khảo, tạp chí. Ngoài ra còn có hàng trăm Luận văn, Luận án ngành Giáo dục học, hàng trăm Khóa luận văn ngành Giáo dục Thể chất.

Tất cả các giáo trình của từng học kỳ, năm học được ấn hành trang bị cho sinh viên theo số lượng sinh viên nhập học mỗi khóa. Các giáo trình chỉ lưu trữ một số lượng nhỏ sau khi đã trang bị đủ cho toàn thể sinh viên của nhà trường.

### 10.3. Danh sách giảng viên :

#### 10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian : *Nhóm ngành Đào tạo giáo viên :*

- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : ***Giáo dục Thể chất***

- Mã ngành : **7140208** Tên ngành : ***Giáo dục Quốc phòng - An ninh***

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
<b>A - GIẢNG VIÊN CƠ HỮU :</b>					
1	Nguyễn Duy Quyết	PGS	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục – GDTC	7140206
2	Bùi Quang Hải	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – GDTC	7140206
3	Lê Đức Chương	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – Y học thể thao	7140206
4	Phùng Xuân Dũng		Tiến sĩ	Giáo dục học – GDTC	7140206
5	Hương Xuân Nguyên		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
6	Đỗ Mạnh Hưng		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
7	Đỗ Anh Tuấn		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7140206
8	Mai Tú Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7140206
9	Nguyễn Mạnh Toàn		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
10	Phạm Anh Tuấn		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7140206
11	Nguyễn Khắc Dược		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất	7140206
12	Nguyễn Thu Nga		Tiến sĩ	Giáo dục học	7140208
13	Nguyễn Tiến Lợi		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140208
14	Phạm Thị Hương		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
15	Phùng Mạnh Cường		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
16	Trần Văn Cường		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140208
17	Trần Mai Linh		Tiến sĩ	Triết học	7140208
18	Trần Ngọc Minh		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh</b>
19	Phạm Duy Hải		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
20	Nguyễn Thành Hưng		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
21	Trần Dũng		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
22	Bùi Danh Tuyên		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
23	Đặng Đình Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
24	Đặng Hùng Linh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
25	Đặng Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
26	Đặng Thu Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
27	Đào Thị Ngân Huyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7140208
28	Đào Xuân Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
29	Đoàn Thanh Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
30	Hà Thị Kim Oanh		Thạc sĩ	Tâm lý học	7140206
31	Hồ Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Luật học	7140206
32	Hoàng Minh Thủy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	7140206
33	Lã Huy Hoàng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
34	Lại Triệu Minh		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
35	Lê Chí Nhân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
36	Lê Duy Linh		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Âm nhạc	7140206
37	Lê Học Liêm		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
38	Lê Mạnh Cường		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
39	Lê Mạnh Linh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
40	Lê Thị Thanh Hường		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7140208

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh</b>
41	Lê Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
42	Lê Thị Thu Thúy		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
43	Lê Thị Vân Liêm		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7140206
44	Mai Thị Bích Ngọc		Thạc sĩ	Triết học	7140206
45	Mai Thị Ngoãn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
46	Mai Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
47	Ngô Bằng Giang		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
48	Ngô Thanh Huyền		Thạc sĩ	Tâm lý học	7140206
49	Ngô Xuân Đức		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	7140206
50	Nguyễn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Âm nhạc	7140206
51	Nguyễn Doãn Vũ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
52	Nguyễn Hoàng Việt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
53	Nguyễn Hoàng Yên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7140206
54	Nguyễn Hồng Minh		Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục	7140206
55	Nguyễn Hồng Phượng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
56	Nguyễn Kim Mạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
57	Nguyễn Ngọc Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
58	Nguyễn Thành Chung		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
59	Nguyễn Thị Diệu Khánh		Thạc sĩ	Triết học	7140206
60	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
61	Nguyễn Thị Hoài Mỹ		Thạc sĩ	Lý luận và PPGD tiếng Anh	7140206
62	Nguyễn Thị Liên		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh</b>
63	Nguyễn Thị Mai Thoan		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
64	Nguyễn Thị Minh Hạnh		Thạc sĩ	Sinh học	7140206
65	Nguyễn Thị Thoa		Thạc sĩ	Sinh học	7140206
66	Nguyễn Thị Thu		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
67	Nguyễn Thị Thu Minh		Thạc sĩ	Lý luận và PPGD tiếng Anh	7140206
68	Nguyễn Thị Thúy Ngân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
69	Nguyễn Tùng Lâm		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
70	Nguyễn Văn Hạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
71	Nguyễn Văn Hoàng		Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục	7140206
72	Nguyễn Văn Thuật		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
73	Nguyễn Việt Hồng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
74	Nguyễn Xuân Thành		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
75	Phạm Mai Vương		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
76	Phạm Minh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
77	Phạm Ngọc Tú		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
78	Phạm Phi Điệp		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140208
79	Phạm Quốc Toàn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
80	Phạm Thị Hoa		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
81	Phạm Văn Quý		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
82	Phan Chí Quyết		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
83	Phan Văn Huynh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
84	Quách Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Khoa học môi trường	7140206

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh</b>
85	Thái Quỳnh Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
86	Trần Chí Công		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
87	Trần Đình Phòng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
88	Trần Đình Tường		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
89	Trần Hải Thanh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
90	Trần Thị Nhu		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
91	Trương Công Đức		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
92	Vũ Công Lâm		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
93	Vũ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
94	Vũ Văn Thịnh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
95	Đinh Thị Uyên		Thạc sĩ	Quản lý Thể dục thể thao	7140206
96	Cao Hoài Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
97	Chu Thanh Hải		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
98	Đặng Hải Linh		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao	7140206
99	Đỗ Thị Tố Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
100	Đoàn Hà Trung		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
101	Hoàng Thu Thủy		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	7140206
102	Lê Dung		Thạc sĩ	LT xác suất & TK toán học	7140206
103	Lê Ngọc Vinh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
104	Lê Nguyên Hoàn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
105	Lê Thị Thùy Chi		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	7140208

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
106	Ngô Thế Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
107	Nguyễn Mạnh Đạt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
108	Nguyễn Phương Linh		Thạc sĩ	Y học Thể dục thể thao	7140206
109	Nguyễn Thị Thức		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	7140206
110	Nguyễn Văn Duyệt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
111	Phan Ngọc Linh		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206
112	Phan Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và PPGD tiếng Anh	7140206
113	Vũ Thanh Hiền		Thạc sĩ	Tâm lý học	7140206
114	Vũ Thị Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
115	Lại Thế Hòa		Đại học	Toán Tin	7140206
116	Đoàn Khắc Hà		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học. Cử nhân Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
117	Dương Đăng Kiên		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học. Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
118	Tạ Việt Thanh		Đại học	Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
119	Phùng Thị Tâm Tình		Đại học	Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
120	Mai Thiện Chí		Đại học	Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
121	Nguyễn Tất Quân		Đại học	Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208



TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
<b>B - GIẢNG VIÊN SĨ QUAN THAM GIA GIẢNG DẠY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC :</b> <i>(Sĩ quan biệt phái do Nhà trường trực tiếp quản lý, làm việc toàn thời gian 12 tháng trở lên tại trường, giảng dạy ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh, trình độ đại học)</i>					
122	Đại tá Nguyễn Minh Tiến		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Tốt nghiệp Sĩ quan chỉ huy, Trường Sĩ quan pháo binh.	7140208
123	Đại tá Đinh Trọng Tuấn		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Cử nhân Xây dựng đảng và quản lý nhà nước.	7140208
124	Thượng tá Chu Văn Hạc		Tiến sĩ	Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Học viện chính trị quân sự.	7140208
125	Thượng tá Phạm Hồng Hải		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
126	Thượng tá Lê Văn Quyết		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Cử nhân Khoa học Quân sự, Sĩ quan pháo binh.	7140208
127	Đại tá Nguyễn Quốc Anh		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
128	Đại tá Nguyễn Đắc Năm		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
129	Thượng tá Lê Văn Duẩn		Đại học	Cử nhân Quân sự, Chỉ huy kỹ thuật Công binh	7140208
130	Thượng tá Vũ Đình Khanh		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
131	Thượng tá Hoàng Tuấn Hào		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy binh chủng hợp thành.	7140208
132	Trung tá Nguyễn Đức Tiến		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
133	Thượng tá Đỗ Ánh Thiên		Đại học	Cử nhân Khoa học Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy phân đội binh chủng hợp thành.	7140208
134	Trung tá Nguyễn Công Long		Đại học	Cử nhân Khoa học Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy Tăng Thiết giáp.	7140208
135	Trung tá Lý Hoài Nam		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
136	Đại úy Chu Hữu Sơn		Thạc sĩ	Thạc sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	7140208
137	Đại tá Nguyễn Văn Kha		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
138	Trung tá Bùi Văn Trang		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
139	Trung tá Nguyễn Ngọc Sơn		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
140	Trung tá Vũ Văn Tuấn		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy Kỹ thuật công binh.	7140208

**C - GIẢNG VIÊN HỢP ĐỒNG 12 THÁNG TRỞ LÊN :**

*(Giảng viên ký hợp đồng giảng dạy 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại nhà trường)*

141	Lê Thanh		Tiến sĩ	Toán học	7140206
142	Lại Thế Việt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
143	Lê Chí Hường		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
144	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
145	Nguyễn Tố Quyên		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
146	Nguyễn Văn Đại		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
147	Nguyễn Văn Tuyền		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
148	Phạm Ngọc Quân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206
149	Hoàng Lê Minh		Đại học	Y học Thể dục thể thao	7140206
150	Nguyễn Trung Hiếu		Đại học	Giáo dục học - GDTC	7140206

**Tổng số giảng viên, giảng viên sĩ quan toàn thời gian của toàn trường : 150**  
(trong đó 03 PGS Tiến sĩ, 21 Tiến sĩ, 107 Thạc sĩ, 19 Đại học)

**\* Ghi chú :**

- ✓ Tổng số giảng viên cơ hữu : **121** (trong đó 03 PGS Tiến sĩ, 19 Tiến sĩ, 94 Thạc sĩ, 05 Đại học) Tính chỉ tiêu ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh : 04 Tiến sĩ, 06 Thạc sĩ, 04 Đại học.
- ✓ Tổng số giảng viên sĩ quan *toàn thời gian* giảng dạy ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh, trình độ đại học (*nhà trường trực tiếp quản lý toàn thời gian*) : **19** (trong đó 01 Tiến sĩ, 06 Thạc sĩ, 12 Đại học).
- ✓ Tổng số giảng viên hợp đồng 12 tháng trở lên : **10** (trong đó 01 Tiến sĩ, 07 Thạc sĩ, 02 Đại học) (*nhà trường trực tiếp quản lý toàn thời gian*).
- ✓ Tổng số giảng viên toàn thời gian tính chỉ tiêu ngành Giáo dục Thể chất, trình độ đại học: **122** (trong đó 03 PGS Tiến sĩ, 18 Tiến sĩ, 98 Thạc sĩ, 03 Đại học).
- ✓ Tổng số giảng viên, giảng viên sĩ quan toàn thời gian tính chỉ tiêu ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh, trình độ đại học : **28** (trong đó 03 Tiến sĩ, 09 Thạc sĩ, 16 Đại học).

**10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học : (chưa có)**

**Nhóm ngành Đào tạo giáo viên :**

- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : **Giáo dục Thể chất**
  - Mã ngành : **7140208** Tên ngành : **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**
- Tính đến thời điểm xây dựng Đề án tuyển sinh Đại học năm 2022, nhà trường chưa có kế hoạch mời giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học nói chung và giảng dạy ngành *Giáo dục Quốc phòng - An ninh* nói riêng.

**11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/de-an-tuyen-sinh-nam-2022.html>**

**12. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/>**

**13. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của trường : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/>**

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY NĂM 2022 :

### 1. TUYỂN SINH CHÍNH QUY ĐẠI HỌC :

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh :

- + Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (giáo dục thường xuyên). Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1,65 m**, nữ từ **1,55 m** trở lên (trường hợp đặc biệt do Hội đồng Tuyển sinh xem xét quyết định).
- + Sinh viên đang theo học ngành Giáo dục Thể chất, hệ Đại học Chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Thể thao Hà Nội được đăng ký học song bằng : đăng ký học ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của ngành Giáo dục Thể chất.
- + Thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học ngành *Giáo dục Thể chất*, nhà trường căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh : *Tuyển sinh trên Toàn quốc.*

#### 1.3. Phương thức tuyển sinh :

##### 1.3.1. Phương thức tuyển sinh ngành *Giáo dục Thể chất* :

- \* **Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.**  
Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSPTDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2 : Năng khiếu TDTT) :

**Mã tổ hợp T00 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T02 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T05 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T08 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

- \* **Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.**  
Xét tuyển theo tổng điểm của hai bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSPTDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2 : Năng khiếu TDTT) :

**Mã tổ hợp T00 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T02 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T05 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T08 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

##### 1.3.2. Phương thức tuyển sinh ngành *Giáo dục Quốc phòng - An ninh* :

- \* **Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT.**

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của 3 môn học lớp 12 THPT.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển	Môn hệ số 2
<b>Mã tổ hợp C00 : Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý</b>	Ngữ văn
<b>Mã tổ hợp C19 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Lịch sử</b>	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp C20 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Địa lý</b>	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp D66 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Tiếng Anh</b>	Giáo dục công dân

**\* Phương thức 2 : Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.**

Xét tuyển theo tổng điểm của 3 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển	Môn hệ số 2
<b>Mã tổ hợp C00 : Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý</b>	Ngữ văn
<b>Mã tổ hợp C19 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Lịch sử</b>	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp C20 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Địa lý</b>	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp D66 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Tiếng Anh</b>	Giáo dục công dân

**1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh :**

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến) (*)	Các tổ hợp xét tuyển	
							Tổ hợp	Môn chính (**)
1	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	20	T00 T02 T05 T08	Năng khiếu TDTT
2	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	360	T00 T02 T05 T08	Năng khiếu TDTT
3	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo	Không hạn chế chỉ tiêu.		
4	Đại học	7140208	Giáo dục quốc phòng - an ninh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	C00	Ngữ văn
							C19 C20 D66	Giáo dục công dân
5	Đại học	7140208	Giáo dục quốc phòng - an ninh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	90	C00	Ngữ văn
							C19 C20 D66	Giáo dục công dân
6	Đại học	7140208	Giáo dục quốc phòng - an ninh	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo	Không hạn chế chỉ tiêu.		

(\*) Chỉ tiêu phân đều cho các tổ hợp đã nêu ở trên trong mỗi phương thức tuyển sinh. Trường hợp tổ hợp hoặc phương thức tuyển sinh nào xét tuyển có ít thí sinh đăng ký dự tuyển thì chỉ tiêu sẽ sử dụng cho tổ hợp xét tuyển khác (phương thức khác) có nhiều thí sinh đăng ký dự tuyển.

(\*\*) Môn chính trong mỗi tổ hợp được tính điểm hệ số 2.

## 1.5. Ngưỡng đầu vào :

### 1.5.1. Phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Thể chất :

#### \* Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSPT TDTT Hà Nội tổ chức.

*Yêu cầu ngưỡng đầu vào :* Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau không phải áp dụng ngưỡng đầu vào :

- + Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế.
- + Thí sinh có điểm thi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt loại xuất sắc 9,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

#### \* Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.

Xét tuyển theo tổng điểm của 2 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSPT TDTT Hà Nội tổ chức.

*Yêu cầu ngưỡng đầu vào :* do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

#### \* Thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học ngành Giáo dục Thể chất :

Nhà trường căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học.

### 1.5.2. Phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh :

#### \* Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT.

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của 3 môn học lớp 12 THPT.

*Yêu cầu ngưỡng đầu vào :* Học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

#### \* Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Xét tuyển theo tổng điểm của 3 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT.

*Yêu cầu ngưỡng đầu vào :* do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

## 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường :

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : **Giáo dục Thể chất**
- Mã ngành : **7140208** Tên ngành : **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**
- Thông tin tuyển sinh trên Website : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/>
- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Fanpage :  
<https://www.facebook.com/SPTDTTHN>

### 1.6.1. Phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Thể chất :

#### \* Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSPT TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2 : Năng khiếu TDTT) :

**Mã tổ hợp T00 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T02 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T05 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T08 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

#### \* Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.

Xét tuyển theo tổng điểm của 2 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSPT TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2 : Năng khiếu TDTT) :

**Mã tổ hợp T00 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T02 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T05 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

**Mã tổ hợp T08 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT**

#### \* Ghi chú : Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong cả 2 phương thức xét tuyển.

#### \* Thi trực tiếp với các môn thi : (tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội)

+ Kiểm tra thể hình : Thí sinh đủ sức khỏe, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1,65 m**, nữ từ **1,55 m** trở lên (trường hợp đặc biệt do Hội đồng Tuyển sinh xem xét quyết định).

+ Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet), chấm theo thang điểm 10.

+ Chạy 60m (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

#### \* Trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhà trường sẽ có thông báo tổ chức thi trực tuyến qua phần mềm Zoom :

- Nội dung 1 : **Kiểm tra thể hình** : Chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có).

Thí sinh cam kết chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có), trung thực trong thực hiện và kê khai. Thí sinh sẽ bị hủy kết quả nếu phát hiện sự gian lận (tổ chức hậu kiểm). Nhà trường đánh giá trực tuyến về thể hình, giọng nói theo yêu cầu đào tạo.

- Nội dung 2 : **Nhảy dây 1 phút** (tính số lần)

- Nội dung 3 : **Nằm ngửa gập bụng 1 phút** (tính số lần)

- Thí sinh được phép thực hiện các nội dung thi tối đa 2 lần, lấy thành tích cao nhất.

#### \* Điểm xét tuyển : ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐƯT

M1, M2 = Điểm trung bình cả năm của 2 môn học lớp 12 hoặc điểm của 2 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT trong từng tổ hợp.

M3 = Điểm môn Năng khiếu TDTT được tính hệ số 2, tức là bằng Tổng điểm 2 nội dung thi năng khiếu.

ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực

- Ưu tiên gồm : ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Điểm xét tuyển được tính đến hai chữ số thập phân.

### 1.6.2. Phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh :

#### \* Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT.

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của 3 môn học lớp 12 THPT.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển	Môn hệ số 2
<b>Mã tổ hợp C00</b> : Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý	Ngữ văn
<b>Mã tổ hợp C19</b> : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Lịch sử	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp C20</b> : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Địa lý	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp D66</b> : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Tiếng Anh	Giáo dục công dân

**Yêu cầu ngưỡng đầu vào** : Học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

#### \* Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Xét tuyển theo tổng điểm của 3 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển	Môn hệ số 2
<b>Mã tổ hợp C00</b> : Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý	Ngữ văn
<b>Mã tổ hợp C19</b> : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Lịch sử	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp C20</b> : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Địa lý	Giáo dục công dân
<b>Mã tổ hợp D66</b> : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Tiếng Anh	Giáo dục công dân

**Yêu cầu ngưỡng đầu vào** : do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

\* Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong cả 2 phương thức.

\* Thí sinh đủ sức khỏe, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1,65 m**, nữ từ **1,55 m** trở lên (trường hợp đặc biệt do Hội đồng Tuyển sinh quyết định).

\* **Điểm xét tuyển** :  $ĐXT = M1 + 2 \times M2 + M3 + ĐUT$

M1, M2, M3 = Điểm trung bình cả năm của 3 môn học lớp 12 *hoặc* điểm của 3 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT trong từng tổ hợp. M2 là điểm bài thi/môn thi chính hệ số 2.

ĐUT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực (theo Quy chế Tuyển sinh)

- Điểm xét tuyển được tính đến hai chữ số thập phân.

\* **Nguyên tắc xét tuyển** : Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển. Nếu nhiều hồ sơ có điểm xét tuyển bằng nhau thì lấy điểm môn chính làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp (Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét quyết định).

\* **Ghi chú** : Về đào tạo song bằng (sinh viên học cùng lúc 2 chương trình)

Chỉ có sinh viên đang theo học hệ Đại học Chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Thể thao Hà Nội (đào tạo theo học chế tín chỉ) được đăng ký học cùng lúc 2 chương trình khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của ngành học thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng *một trong hai điều kiện* sau (và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của nhà trường) :

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo ngành học thứ nhất trong năm tuyển sinh;



b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành học thứ hai trong năm tuyển sinh.

Cụ thể : Sinh viên đang theo học hệ Đại học Chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Thể thao Hà Nội. Nếu học ngành Giáo dục Thể chất thì được đăng ký học ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh và ngược lại nếu học ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh thì được đăng ký học ngành Giáo dục Thể chất (học cùng lúc 2 chương trình), khi đáp ứng điều kiện nêu trên. Số lượng sinh viên đăng ký học cùng lúc 2 chương trình (đào tạo song bằng) không tính vào chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT giao cho. Năng lực đào tạo của nhà trường đáp ứng đào tạo song bằng cho sinh viên các khóa đang theo học hệ Đại học Chính quy có đủ điều kiện nêu trên.

### **1.7. Tổ chức tuyển sinh :** *(Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển / thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển)*

#### **1.7.1. Thời gian thi tuyển / xét tuyển :**

##### **1.7.1.1. Đối với ngành Giáo dục Thể chất :**

- Thi Năng khiếu TDTT trực tiếp tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội :

**Đợt 1 :** các ngày **15 - 17/07/2022**

**Đợt 2 :** các ngày **07 - 09/10/2022**

**Đợt 3 :** các ngày **04 - 06/11/2022**

##### ▪ **Ghi chú :**

- + Nếu tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, không thể thi trực tiếp, nhà trường sẽ thông báo tổ chức thi Năng khiếu TDTT trực tuyến (qua phần mềm Zoom).
- + Trong mỗi đợt : Ngày đầu phổ biến quy chế thi, làm thủ tục thi; ngày thứ 2 thi năng khiếu TDTT; ngày thứ 3 dự phòng thi năng khiếu.
- + Nhà trường có Video hướng dẫn nội dung thi năng khiếu TDTT đối với đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất trên website của trường.
- + Hội đồng Tuyển sinh nhà trường họp xét tuyển ngay sau khi kết thúc đợt tuyển sinh và công bố kết quả xét tuyển vào thời gian sớm nhất.

##### **1.7.1.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh :**

- Hội đồng Tuyển sinh nhà trường họp xét tuyển ngay sau khi kết thúc các đợt tuyển sinh và công bố kết quả xét tuyển vào thời gian sớm nhất : Đối với thí sinh đăng ký dự thi, căn cứ theo kết quả học tập lớp 12 THPT (Học bạ) và /hoặc Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia). Đối với sinh viên đăng ký học cùng lúc 2 chương trình (đào tạo song bằng), nhà trường căn cứ kết quả học tập.

##### **1.7.1.3. Ghi chú :**

- Nếu sau mỗi đợt thi, nhà trường tuyển sinh đủ chỉ tiêu thì sẽ không tổ chức các Đợt thi tiếp theo. Nếu có đợt thi bổ sung (ngoài 3 đợt thi nói trên), nhà trường sẽ thông báo trên website của trường.

#### **1.7.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển :**

##### **a) Hình thức nhận đăng ký xét tuyển :**

- Thông tin tuyển sinh trên Website : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/>

- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Fanpage :

<https://www.facebook.com/SPTDTHN>

- Thí sinh gửi Hồ sơ đăng ký xét tuyển qua Bưu điện về địa chỉ : Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

**b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển :**

- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên Website).
- Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương).
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) với thí sinh tốt nghiệp trước 2022. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2022 (hoặc bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT, nếu đã có). Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia.
- Thí sinh phải nộp 4 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

**c) Lệ phí xét tuyển, thi Năng khiếu :**

- Hình thức nộp : **Chuyển khoản.**
- Lệ phí xét tuyển + thi năng khiếu TĐTT : **330.000đ.** Lệ phí xét tuyển : **30.000đ**
- Số tài khoản : **45010006656669**
- Tên ngân hàng : Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây (BIDV).
- Tên người nhận : Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.
- Cú pháp nội dung nộp lệ phí :  
Họ và tên - số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân) – LPTS 2022.

**1.7.3. Các điều kiện xét tuyển :**

Thí sinh phải có đủ các điều kiện sau để được xét trúng tuyển :

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (hình thức giáo dục thường xuyên).
- Thí sinh đủ sức khỏe, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1,65 m**, nữ từ **1,55 m** trở lên (trường hợp đặc biệt do Hội đồng Tuyển sinh xem xét quyết định).

**1.7.3.1. Đối với ngành Giáo dục Thể chất :**

\* *Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo Học bạ lớp 12 :*

Yêu cầu ngưỡng đầu vào : Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau không phải áp dụng ngưỡng đầu vào :

- + Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế.
- + Thí sinh có điểm thi năng khiếu TĐTT do Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội tổ chức đạt loại xuất sắc 9,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

\* *Yêu cầu với thí sinh đăng ký xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT :*

Yêu cầu ngưỡng đầu vào : do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

**1.7.3.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh :**

\* *Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo Học bạ lớp 12 :*

Yêu cầu ngưỡng đầu vào : Học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

\* *Yêu cầu với thí sinh đăng ký xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT :*

Yêu cầu ngưỡng đầu vào : do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

## **1.8. Chính sách ưu tiên :** (*Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển*)

### **1.8.1. Đối với ngành Giáo dục Thể chất :**

#### **1) Xét tuyển thẳng :**

**\* Đối tượng được tuyển thẳng :** Thí sinh được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT nếu : tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm : Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; *thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.*

#### **\* Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng :**

- + Phiếu đăng ký tuyển thẳng (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- + Giấy chứng nhận huy chương hoặc Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu.
- + Công văn của cơ quan quản lý vận động viên giới thiệu VĐV đi học; hoặc đơn xin đi học của vận động viên (được cơ quan quản lý cho phép).
- + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2022. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 (nộp bổ sung trước khi nhập học).
- + Bản sao công chứng Giấy khai sinh.
- + Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có, để xét học bổng trong quá trình học).
- + Lệ phí đăng ký hồ sơ và xét tuyển: **30.000 đ.**

**\* Thí sinh là người nước ngoài :** Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành Giáo dục Thể chất để xem xét, quyết định nhận vào học các thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

#### **2) Ưu tiên xét tuyển :**

#### **\* Đối tượng được ưu tiên xét tuyển (trong năm tốt nghiệp THPT) :**

- + Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào trường;
- + Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia; *thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;*

#### **\* Quyền lợi của đối tượng được ưu tiên xét tuyển :**

- + Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào trường hoặc Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia : *được hưởng 10 điểm Năng khiếu TDTT (Đối tượng A).*
- + Thí sinh đoạt huy chương bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm : *được hưởng 9 điểm Năng khiếu TDTT (Đối tượng B).*

**\* Hồ sơ ưu tiên xét tuyển :**

- + Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- + Quyết định công nhận đẳng cấp Kiện tướng quốc gia hoặc Giấy chứng nhận Huy chương Vàng tại các giải quốc gia (Đối tượng A). Giấy chứng nhận Huy chương Bạc, Huy chương Đồng tại các giải quốc gia (Đối tượng B). Thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào trường.
- + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2022. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2022.
- + Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2022 (nếu tốt nghiệp 2022).
- + Bản sao công chứng Giấy khai sinh.
- + Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.
- + Phiếu đăng ký tham dự kỳ thi THPT Quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).
- + Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).
- + Lệ phí đăng ký hồ sơ xét tuyển : 30.000 đ.
- \* Các giấy tờ thiếu có thể nộp bổ sung trước ngày nhập học.

**3) Chú ý :** Thí sinh diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không bị khuyết tật, dị hình và đảm bảo chiều cao theo quy định. Thí sinh Đối tượng B nêu trên có thể đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT để có điểm cao hơn.

**1.8.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh :**

**1) Xét tuyển thẳng :**

**\* Đối tượng được tuyển thẳng :**

- + Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đã tốt nghiệp THPT;
- + Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. Yêu cầu : môn thi/ nội dung thi của thí sinh phù hợp với bài thi/môn thi trong tổ hợp đăng ký xét tuyển.

**\* Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng :**

- + Phiếu đăng ký tuyển thẳng (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- + Giấy chứng nhận đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia. Thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào trường.
- + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2022. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 (nộp bổ sung trước khi nhập học).
- + Bản sao công chứng Giấy khai sinh.
- + Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có, để xét học bổng trong quá trình học).
- + Lệ phí đăng ký hồ sơ và xét tuyển: 30.000 đ.

## 2) Ưu tiên xét tuyển :

### \* Đối tượng được ưu tiên xét tuyển :

Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào trường hoặc thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

### \* Hồ sơ ưu tiên xét tuyển :

+ Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Giấy chứng nhận đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia (đối với thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng); đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia. Thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào trường.

+ Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2022. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2022.

+ Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2022 (nếu tốt nghiệp 2022).

+ Bản sao công chứng Giấy khai sinh.

+ Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

+ Phiếu đăng ký tham dự kỳ thi THPT Quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Lệ phí đăng ký hồ sơ xét tuyển : 30.000 đ.

\* Các giấy tờ thiếu có thể nộp bổ sung trước ngày nhập học

3) **Chú ý :** Thí sinh diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không bị khuyết tật, dị hình và đảm bảo chiều cao theo quy định.

**1.8.3. Điều khoản bổ sung :** Thí sinh hưởng chế độ xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên của nhà trường. Nếu nộp qua đường bưu điện cần thông báo cho cán bộ tư vấn tuyển sinh của trường qua số điện thoại (024)33.866.899.

## 1.9. Lệ phí xét tuyển / thi tuyển :

▪ Đối với ngành Giáo dục Thể chất : **330.000 đ**/ (Hồ sơ xét tuyển + thi tuyển)

▪ Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh : **30.000 đ**/ Hồ sơ xét tuyển

**1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm :** Thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

**1.11.** Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (VD : sai nhầm thành tích năng khiếu, thất lạc giấy báo trúng tuyển,...).

## 1.12. Tài chính :

1.12.1. Tổng nguồn thu hợp pháp / năm của trường : **49.915.807.050 đ**

1.12.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm : **27.660.000 đ**

(của năm liền trước năm tuyển sinh).

## 1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành) :

- Sinh viên sư phạm hệ Đại học Chính quy được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của nhà trường và được Nhà nước hỗ trợ 3.630.000 đ/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường (không quá 10 tháng/năm học).
- Sinh viên đang theo học ngành Giáo dục Thể chất, hệ Đại học Chính quy đăng ký học song bằng (học cùng lúc 2 chương trình) ở ngành Giáo dục quốc phòng – an ninh thì chỉ được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí và sinh hoạt phí 3.630.000 đ/tháng cho quá trình học tập ngành Giáo dục Thể chất. Sinh viên học song bằng phải đóng học phí khi học ngành Giáo dục quốc phòng – an ninh.
- Nhà trường có đủ chỗ ở trong Ký túc xá sau khi thí sinh đỗ vào trường.
- Vị trí sau khi sinh viên tốt nghiệp :

### \* Đối với ngành Giáo dục Thể chất :

- + Làm việc tại các Sở Văn hóa-Thể thao, các Trung tâm TDTT, các Câu lạc bộ TDTT (như Yoga, GYM, Boxing, Thể hình, Võ thuật,...), các Trung tâm Phục hồi chức năng và Chăm sóc sức khỏe, các Công ty Tổ chức sự kiện...
- + Giảng dạy tại trường phổ thông các cấp, các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục đào tạo.
- + Được phép dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Giáo dục học của nhà trường ngay sau khi tốt nghiệp hệ đại học.

### \* Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh :

- + Giảng viên giảng dạy Giáo dục quốc phòng – an ninh các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, các Trung tâm Giáo dục quốc phòng – an ninh.
- + Giáo viên dạy Giáo dục quốc phòng-an ninh các trường Trung học phổ thông.
- + Chuyên viên quản lý môn Giáo dục quốc phòng-an ninh ở các cơ sở Giáo dục&đào tạo.
- + Tham gia nghiên cứu ở các Trung tâm hoặc Viện nghiên cứu thuộc Bộ Quốc phòng.
- + Được phép dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Giáo dục học của nhà trường ngay sau khi tốt nghiệp hệ đại học.

## 2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN :

(chỉ áp dụng cho ngành Giáo dục Thể chất).

### 2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh :

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần : Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân,... và các ngành : Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao; thí sinh tốt nghiệp đại học. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

### 2.2. Phạm vi tuyển sinh : Tuyển sinh trên Toàn quốc.

### 2.3. Phương thức tuyển sinh :

\* **Thi trực tiếp với các môn thi :**

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + Sinh lý Thể thao;
- + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 60m hoặc Chạy nhanh khéo(giây).

\* **Trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhà trường sẽ có thông báo tổ chức thi tuyển kết hợp xét tuyển trực tuyến :**

+ Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa của hệ Cao đẳng (hoặc Trung cấp).

+ Thi năng khiếu TDTT (*trực tuyến*):

. Nhảy dây 1 phút (tính số lần).

. Nằm ngửa gập bụng 1 phút (tính số lần).

Thí sinh được phép thực hiện các nội dung thi tối đa 2 lần, lấy thành tích cao nhất.

\* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

### 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (\*):

(Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo).

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	<b>500</b>	Sử dụng phương thức khác	<b>50</b>	1196/QĐ-BGDĐT	09/3/2007	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2007

(\*) Được điều chỉnh căn cứ vào nhu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của các địa phương, căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao cho.

### 2.5. Ngưỡng đầu vào :

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần : Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân,... và các ngành khác (Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao); thí sinh tốt nghiệp đại học. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

*Thí sinh phải đạt một trong các tiêu chí về ngưỡng đầu vào như sau :*

- hoặc Học lực lớp 12 đạt loại khá;
- hoặc Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;
- hoặc Tốt nghiệp THPT loại khá;
- hoặc Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT<sup>(\*)</sup>;
- hoặc Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại khá trở lên.

<sup>(\*)</sup> Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/5/2020, dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, chỉ cần : *Có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT.*

## **2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường :**

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Tên ngành : Giáo dục thể chất Mã số ngành : 7140206

### **\* Thi trực tiếp với các môn thi :**

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + Sinh lý Thể thao;
- + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 60m /Chạy nhanh khéo (giây).

### **\* Trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhà trường sẽ có thông báo tổ chức thi tuyển kết hợp xét tuyển trực tuyến :**

- + Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa hệ Cao đẳng /Trung cấp.
- + Thi năng khiếu TDTT :
  - . Nhảy dây 1 phút (tính số lần).
  - . Nằm ngửa gập bụng 1 phút (tính số lần).

Thí sinh được phép thực hiện các nội dung thi tối đa 2 lần, lấy thành tích cao nhất.

\* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

## **2.7. Tổ chức tuyển sinh : (Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi / bài thi đối với từng ngành đào tạo).**

### **2.7.1. Thời gian :**

Nhà trường sẽ có Thông báo tuyển sinh ngay sau khi ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 của trường (*dự kiến*) :

- Đợt 1 : Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022
- Đợt 2 : Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022

Nhà trường sẽ có thông báo ngày thi cụ thể trước mỗi đợt thi trực tiếp tới thí sinh.

### **2.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển :**

Gửi Bưu điện tới Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên trước khi thi 5 ngày.

\* Hồ sơ đăng ký thi tuyển :

- Đơn đăng ký thi tuyển



- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương nơi cư trú.
- Bản sao công chứng Bảng điểm và Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT (*hoặc tương đương*).
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (*nếu có*).
- 04 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.

**2.8. Chính sách ưu tiên :** *Không xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT.

**2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển :**

**330.000 đ/thí sinh** + Lệ phí hướng dẫn ôn thi (*nếu thi trực tiếp*).

**2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.**

- + Thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

**2.11.** Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (VD : sai nhầm thành tích năng khiếu, thất lạc giấy báo trúng tuyển,...).

### **III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM :**

**(chỉ áp dụng cho ngành Giáo dục Thể chất).**

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của nhà trường : <https://hupes.edu.vn/tuyensinh/danh-muc-tin/tuyen-sinh-lien-thong.html>

**1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT :** (*không có*)

**2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN :**

**2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh :**

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần : Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân,... và các ngành : Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao; thí sinh tốt nghiệp đại học. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

**2.2. Phạm vi tuyển sinh :** *Tuyển sinh trên Toàn quốc.*

**2.3. Phương thức tuyển sinh :**

**\* Thi trực tiếp với các môn thi :**

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + Sinh lý Thể thao;
- + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 60m hoặc Chạy nhanh khéo(giây).

**\* Trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhà trường sẽ có thông báo tổ chức thi tuyển kết hợp xét tuyển trực tuyến :**

- + Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa của hệ Cao đẳng (hoặc Trung cấp).

+ Thi năng khiếu TDTT (*trực tuyến*):

. Nhảy dây 1 phút (tính số lần).

. Nằm ngửa gập bụng 1 phút (tính số lần).

Thí sinh được phép thực hiện các nội dung thi tối đa 2 lần, lấy thành tích cao nhất.

\* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

## 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (\*):

(Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo).

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	500	Sử dụng phương thức khác	70	11855/ĐH&SDH	10/12/2003	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2004

(\*) Được điều chỉnh căn cứ vào nhu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của các địa phương, căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao cho.

## 2.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần: Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân,... và các ngành khác (Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao); thí sinh tốt nghiệp đại học. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

*Thí sinh phải đạt một trong các tiêu chí về ngưỡng đầu vào như sau:*

- hoặc Học lực lớp 12 đạt loại khá;

- hoặc Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;

- hoặc Tốt nghiệp THPT loại khá;

- hoặc Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT<sup>(\*)</sup>;

- hoặc Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại khá trở lên.

(\*) Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/5/2020, dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, chỉ cần: Có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT.

## 2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường :

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Tên ngành : Giáo dục thể chất Mã số ngành : 7140206

### \* *Thi trực tiếp với các môn thi :*

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + Sinh lý Thể thao;
- + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 60m /Chạy nhanh khéo (giây).

### \* *Trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhà trường sẽ có thông báo tổ chức thi tuyển kết hợp xét tuyển trực tuyến :*

- + Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa hệ Cao đẳng /Trung cấp.
- + Thi năng khiếu TDTT :

. Nhảy dây 1 phút (tính số lần).

. Nằm ngửa gập bụng 1 phút (tính số lần).

Thí sinh được phép thực hiện các nội dung thi tối đa 2 lần, lấy thành tích cao nhất.

### \* *Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.*

## 2.7. Tổ chức tuyển sinh :

### 2.7.1. Thời gian :

- Đợt 1 : Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022
- Đợt 2 : Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022

Nhà trường sẽ có thông báo ngày thi cụ thể trước mỗi đợt thi trực tiếp tới thí sinh.

### 2.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển :

Gửi Bưu điện tới Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên trước khi thi 5 ngày.

#### \* *Hồ sơ đăng ký thi tuyển :*

- Đơn đăng ký thi tuyển
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương nơi cư trú.
- Bản sao công chứng Bảng điểm và Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT (hoặc tương đương).
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).
- 04 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.

## 2.8. Chính sách ưu tiên : Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT.

## 2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển : 330.000 đ/thí sinh + Lệ phí hướng dẫn ôn thi.

## 2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

- + Thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

## 2.11. Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (VD : sai nhầm thành tích năng khiếu, thất lạc giấy báo trúng tuyển,...).

#### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG :

❖ Cán bộ hỗ trợ trực tiếp để giải đáp thắc mắc :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	<i>TS. Nguyễn Mạnh Toàn</i>	Trưởng phòng <sup>1</sup>	<b>0914.821.979</b>	<a href="mailto:nguyenmanhtoantdt@gmail.com">nguyenmanhtoantdt@gmail.com</a>
2	<i>ThS. Lê Học Liêm</i>	Trưởng phòng <sup>4</sup>	<b>0934.388.388</b>	<a href="mailto:leliemkdk@gmail.com">leliemkdk@gmail.com</a>
3	<i>TS. Trần Văn Cường</i>	P.Trưởng phòng <sup>1</sup>	0983.887.282	<a href="mailto:cuongbb@gmail.com">cuongbb@gmail.com</a>
4	<i>ThS. Trần Thanh Bình</i>	P.Trưởng phòng <sup>4</sup>	<b>0328.919.498</b>	<a href="mailto:binhlinh75@gmail.com">binhlinh75@gmail.com</a>
5	<i>ThS. Đặng Đình Dũng</i>	P.Trưởng phòng <sup>3</sup>	<b>0974.299.223</b>	<a href="mailto:dangdung030686@gmail.com">dangdung030686@gmail.com</a>
6	<i>CN. Nguyễn Minh Tư</i>	P.Trưởng phòng <sup>2</sup>	<b>0961.421.970</b>	<a href="mailto:mtu@moet.edu.vn">mtu@moet.edu.vn</a>
7	<i>CN. Nguyễn Hà Phương</i>	Cán bộ Phòng <sup>1</sup>	<b>0966.172.796</b>	<a href="mailto:nguyenhaphuong2796@gmail.com">nguyenhaphuong2796@gmail.com</a>

<sup>1</sup> : Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên : (024)33.719.423, (024)33.866.899

<sup>2</sup> : Phòng Tổ chức cán bộ & Truyền thông.

<sup>3</sup> : Phòng Hành chính Tổng hợp

<sup>4</sup> : Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo & Thanh tra.

❖ **TUYỂN SINH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC** (*Nhà trường có Thông báo riêng*) :

+ Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ, ngành Giáo dục học (8140101) : **56 chỉ tiêu**

+ Tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ, ngành Giáo dục học (9140101) : **06 chỉ tiêu**

\* Liên hệ trực tiếp với Khoa Đào tạo Sau đại học :

TS. Đỗ Mạnh Hưng (Trưởng khoa) : **0904.171.689**

ThS. Nguyễn Thị Hằng (Phó Trưởng khoa) : **0982.102.876**

❖ **Cán bộ lập đề án tuyển sinh :**

**GVCC. TS. Lê Thanh** (*nguyên Phó Hiệu trưởng*)

ĐT : **0987.394.148** , Email : [lethanhtdhn@gmail.com](mailto:lethanhtdhn@gmail.com)

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & CTSV

TS. Nguyễn Mạnh Toàn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết